TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THUỶ NGUYÊN **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 44/2018/HNGĐ-ST
Ngày 06 - 4- 2018
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỦY NGUYÊN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Khúc Trọng Quang

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Hương

Bà Ngô Thị Thu Hà

- ***Thư ký phiên toà:*** Bà Đỗ Thị Quyên – Thư ký Toà án nhân dân huyện Thuỷ Nguyên.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thuỷ Nguyên, thành phố Hải Phòng tham gia phiên toà***: Bà Nguyễn Thị Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 4 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thuỷ Nguyên thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 95/2018/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 1 năm 2018 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 38/2018/QĐST- HNGĐ ngày 12 tháng 3 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 40/2018/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 3 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1989; đăng ký hộ khẩu thường trú: Khu Ch, phường C, thị xã C, tỉnh H, vắng mặt (có đơn xin xử vắng mặt).

- *Bị đơn*: Anh Đỗ Văn K, sinh năm 1989; đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn 6, xã G, huyện T, thành phố Hải Phòng, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn đề ngày 15 tháng 12 năm 2017 và các lời khai tại Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên cũng như lời khai tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị N trình bày:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị N và anh Đỗ Văn K kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 26 tháng 9 năm 2011 tại Ủy ban nhân dân xã G, huyện T, thành phố Hải Phòng. Chị N và anh K chung sống hòa thuận hạnh phúc đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính

tình vợ chồng không hòa hợp, bất đồng quan điểm trong làm ăn kinh tế, sinh hoạt dẫn tới vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi mắng, xúc phạm lẫn nhau. Mâu thuẫn hai vợ chồng cũng đã được hai bên gia đình hòa giải nhưng không cải thiện được mà ngày càng căng thẳng hơn. Chị N và anh K đã sống ly thân từ tháng 10/2014 cho đến nay. Trong thời gian ly thân chị N và anh K không còn quan tâm đến nhau, chị N đã về nhà mẹ đẻ ở từ thời gian đó cho tới nay. Chị N nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn khả năng đoàn tụ, chị N yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh K.

[2] *Về con chung:* Chị Nguyễn Thị N khai vợ chồng có một con chung là cháu Đỗ Bảo L, sinh ngày 28/2/2012, hiện cháu L đang do anh K trực tiếp nuôi dưỡng. Trường hợp ly hôn chị đề nghị để anh K là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu L. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung để chị N và anh K tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị N khai vợ chồng không có tài sản chung và không có vay nợ chung nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

[4] Bị đơn là anh Đỗ Văn K đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, các văn bản tố tụng khác nhưng đến ngày mở phiên tòa lần thứ hai anh Đỗ Văn K vẫn không có ý kiến về việc giải quyết vụ án.

[5] Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Bị đơn là anh Đỗ Văn K chưa tuân thủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ tài liệu điều tra có trong hồ sơ thể hiện quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị N và anh Đỗ Văn K đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 39; khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị N và anh Đỗ Văn K là hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận hạnh phúc đến cuối năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hòa hợp, bất đồng quan điểm trong lao động, sinh hoạt, làm ăn kinh

tế dẫn đến vợ chồng xảy ra cãi mắng, xúc phạm nhau. Hai vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 10 năm 2014 cho đến nay, trong thời gian ly thân hai bên không còn quan tâm đến nhau mặc dù đã được người thân hai bên gia đình hòa giải. Tài liệu xác minh thể hiện anh K biết rõ việc chị Nguyễn Thị N xin ly hôn anh. Toà án đã tống đạt hợp lệ các quyết định tố tụng để anh K có mặt trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị N, nhưng anh K vẫn vắng mặt không có lý do. Kết quả xác minh tại chính quyền địa phương và gia đình thể hiện mâu thuẫn vợ chồng giữa chị N và anh K phù hợp với lời khai của chị N. Như vậy thể hiện tình trạng hôn nhân giữa chị N và anh K đã trầm trọng, khả năng vợ chồng đoàn tụ không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên hội đồng xét xử căn cứ Điều 51 và Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị N về việc xin ly hôn anh Đỗ Văn K.

[2] Về con chung: Chị Nguyễn Thị N và anh Đỗ Văn K có một con chung tên Đỗ Bảo L, sinh ngày 28/2/2012, hiện cháu Long vẫn đang do anh K trực tiếp nuôi dưỡng. Trong trường hợp ly hôn chị N có nguyện vọng để anh K tiếp tục nuôi dưỡng cháu L. Anh K không đến Tòa án trình bày ý kiến về con chung. Việc giao con cho ai nuôi cần xem xét để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chưa thành niên. Tài liệu xác minh thể hiện từ khi vợ chồng chị N và anh K sống ly thân nhau từ năm 2014 đến nay anh K vẫn trực tiếp nuôi con, việc nuôi con của anh K vẫn đảm bảo tốt về mọi mặt và đã ổn định. Vì vậy cần giao cho anh K trực tiếp nuôi con là phù hợp với Điều 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng cho con chung: Chị Nguyễn Thị N đề nghị để chị và anh K tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên hội đồng xét xử không xem xét giải quyết

[3] Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị N khai vợ chồng không có tài sản chung, không có vay nợ chung và không yêu cầu giải quyết. Anh Đỗ Văn K chưa có lời khai về tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, Điều 56; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án xử:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị N được ly hôn anh Đỗ Văn K.

[2] Về con chung: Giao con chung Đỗ Bảo L, sinh ngày 28 tháng 02 năm 2012 cho anh Đỗ Văn K trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu Đỗ Bảo L đủ 18 tuổi, có khả năng lao động hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[3] Về tài sản chung: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết

[4] Về án phí: Chị Nguyễn Thị N phải nộp 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí chị N đã nộp theo biên lai số 0008718 ngày 25/1/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng. Chị Nguyễn Thị N đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm

[5] Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- UBND xã G huyện, T;
- Đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Khúc Trọng Quang

HỘI THẨM NHÂN DÂN	THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
Nguyễn Thị Hương – Ngô Thị Thu Hà	**Khúc Trọng Quang**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THUỶ NGUYÊN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi ..... giờ.....phút ngày 06 tháng 04 năm 2018.

Tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Khúc Trọng Quang

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Hương

Bà Ngô Thị Thu Hà

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số 95/2018/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 1 năm 2018 về việc tranh chấp "Ly hôn và nuôi con chung khi ly hôn "giữa:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1989; đăng ký hộ khẩu thường trú: Khu Chùa Vần, phường Chí Minh, thị xã Chí Linh, tỉnh Hải Dương, vắng mặt (có đơn xin xử vắng mặt).

- Bị đơn: Anh Đỗ Văn K, sinh năm 1989; đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn 6, xã Gia Đức, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng, vắng mặt.

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỤ THỂ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU

1.Về điều luật áp dụng:

Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, Điều 56; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết

số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Kết quả biểu quyết: 3/3

2.Về nội dung vụ án:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị N được ly hôn anh Đỗ Văn K.

[2] Về con chung: Giao con chung Đỗ Bảo Long, sinh ngày 28 tháng 02 năm 2012 cho anh Đỗ Văn K trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu Đỗ Bảo Long đủ 18 tuổi, có khả năng lao động hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[3] Về tài sản chung: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết

[4] Về án phí: Chị Nguyễn Thị N phải nộp 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí chị N đã nộp theo biên lai số 0008718 ngày 25/1/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng. Chị Nguyễn Thị N đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm

[5] Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Kết quả biểu quyết: 3/3

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ	THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
Nguyễn Thị Hương – Ngô Thị Thu Hà	**Khúc Trọng Quang**